

Bản án số: 19/2020/HS-ST

Ngày 03 - 9 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Thu và bà Hoàng Thị Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lư Thị Quỳnh, là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 07 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2020/HSST-QĐ ngày 25/8/2020 đối với bị cáo:

1. Phạm Văn H (tên gọi khác: H Hà N) sinh tháng 7/19xx tại thành phố H; nơi cư trú (HKTT): Đội x, thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội; nơi ở: Hang đá khu vực T, thuộc thôn K, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Không có đăng ký tạm trú); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L (Đã chết) và bà Nguyễn Thị V (Đã chết); có vợ là Trần Thị T và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1981, bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội vi phạm luật lệ giao thông gây hậu quả nghiêm trọng; năm 1984, bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù giam về tội vi phạm luật lệ giao thông gây hậu quả nghiêm trọng; năm 1987, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam xử phạt 06 tháng tù, giam về tội chống người thi hành công vụ; năm 1993, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hà Tây xử phạt 06 tháng tù giam về tội cưỡng đoạt tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2020 đến nay có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy, nên khoảng thời gian đầu năm 2019, Phạm Văn H đến và ở lại

trong hang đá khu vực T thuộc thôn K, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Khoảng 08 giờ, ngày 14/01/2020, H đi từ chỗ ở của mình đến Đèo G thuộc huyện B, tỉnh Bắc Kạn bắt xe khách xuống bến xe khách Thái Nguyên để mua ma túy với số tiền 1.400.000,đ với một người thanh niên không rõ lai lịch tại cổng bến xe và sau đó sử dụng ma túy tại khu vực gần bến xe. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 15/01/2020, H bắt xe khách về đến đỉnh Đèo G rồi đi bộ về đến hang đá khu vực T vào khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày. Khi đến hang đá, H tiếp tục sử dụng ma túy 02 lần. Sau mỗi lần sử dụng ma túy, H gói số ma túy còn lại và cất dấu trong khe đá cạnh vị trí H nằm ngủ. 19 giờ 30 phút, ngày 15/01/2020, tổ công tác của Công an huyện N đến kiểm tra, H thừa nhận có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và chỉ nơi cất dấu ma túy. Tại vị trí khe đá cách khu vực nằm ngủ của H 0,5m về hướng Đông Bắc phát hiện 01 túi nilon trong suốt, bên trong có chứa 01 gói nhỏ được gói bằng nhiều lớp giấy bạc, thứ tự các lớp giấy bạc từ ngoài vào trong gồm giấy bạc màu vàng, giấy bạc màu trắng, giấy bạc màu vàng, bên trong có chứa chất màu trắng dạng bột lẫn cục. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Văn H. Quá trình lập biên bản đã tiến hành trích một lượng nhỏ chất màu trắng nghi là ma túy để thử với thuốc thử Heroine do Bộ Công an cấp, kết quả dung dịch thuốc thử chuyển sang màu tím, trùng với màu nhận biết Heroine. Sau khi thử phản ứng xong, tổ công tác gói lại như ban đầu rồi cho vào phong bì niêm phong ký hiệu A1 và tạm giữ của H 01 chiếc ví da màu đen, bên trong có số tiền 135.000,đ.

Vào hồi 21 giờ 00 phút, ngày 15/01/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện N tiến hành khám xét khẩn cấp địa điểm, chỗ ở của Phạm Văn H tại hang đá khu vực T, thuộc thôn K, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và tạm giữ tại vị trí góc chiếc nơi H nằm ngủ 01 chiếc bơm kim tiêm có gắn kim loại 3ml/cc đã qua sử dụng và 01 lọ nước cất nhãn hiệu NOVOCAIN loại 02 ml đã qua sử dụng.

Hồi 23 giờ 30 phút ngày 15/01/2020, tại trụ sở Công an huyện, Cơ quan CSĐT Công an huyện N với sự có mặt của Phạm Văn H, tiến hành mở niêm phong để cân xác định khối lượng vật chứng trong phong bì ký hiệu A1. Kết quả cân riêng số chất màu trắng dạng bột lẫn cục trong phong bì ký hiệu A1 có khối lượng 0,401g. Sau khi cân, được đóng gói niêm phong trong phong bì ký hiệu B1 để gửi giám định. Số vật chứng, đồ vật còn lại được niêm phong trong phong bì ký hiệu B2.

Hồi 00 giờ 00 phút, ngày 16/01/2020, Công an huyện N tiến hành xét nghiệm ma túy đối với Phạm Văn H. Kết quả: Hoàn dương tính, có sử dụng chất ma túy.

Ngày 16/01/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện ra Quyết định trưng cầu giám định số 01, trưng cầu giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn giám định chất ma túy. Tại bản kết luận giám định số 32/KTHS-MT ngày 20/01/2020 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục lẫn bột bên trong phong bì ký hiệu B1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,401g. Sau giám định, mẫu chất trong phong bì ký hiệu B1 còn lại 0,375g cùng phong bì, bao gói cũ niêm phong vào trong phong bì mới ký hiệu T32, hoàn trả lại cho Cơ quan trưng cầu.

Vật chứng và đồ vật thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 phong bì được niêm phong ký hiệu B2; 01 phong bì niêm phong ký hiệu T32;
- 01 ví giả da màu đen;

- 01 lọ nước cất nhãn hiệu NOVOCAIN 3% loại 2ml đã qua sử dụng;
- 01 bơm kim tiêm loại 3ml/cc có gắn kim tiêm đã qua sử dụng;
- Số tiền 135.000,đ được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2.

Các vật chứng được bảo quản theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-N ngày 06/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử Phạm Văn H về: "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c, khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS 2015).

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố. Do bản thân bị cáo nghiện ma túy từ năm 1990 nên mục đích tàng trữ ma túy là để dùng cho bản thân và các bạn án trước bị cáo đã chấp hành các quyết định của bản án nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt tù cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng. Đối với số tiền 135.000,đ không liên quan đến tội phạm nên đề nghị xin lại; còn đối với 01 lọ nước cất và chiếc bơm kim tiêm và 01 chiếc ví giả da đã qua sử dụng nên không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38; 47; 48 của BLHS 2015; Điều 106 của bộ luật tố tụng hình sự 2015 (BLTTHS 2015): Xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 18 tháng đến 24 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Tạm giữ số tiền 135.000,đ của bị cáo để bảo đảm thi hành án cho bị cáo; tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án được niêm phong trong phong bì ký hiệu B2, T32 và 01 lọ nước cất, 01 bơm kim tiêm; 01 chiếc ví giả da. Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện N, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của Phạm Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Văn H do nghiện ma túy nên vào khoảng 08 giờ, ngày 14/01/2020 bị cáo đã đến bên xe khách Thái Nguyên mua ma túy về tàng trữ trái phép để sử dụng cho bản thân. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo đã bị cơ quan chức năng huyện N, tỉnh Bắc Kạn phát hiện và bắt quả tang vào hồi 19 giờ 30 phút, ngày 15/01/2020 tại nơi ở của bị cáo là hang đá khu vực T,

thuộc thôn K, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Tại bản kết luận giám định trong tố tụng hình sự đã kết luận khối lượng chất ma túy mà bị cáo tàng trữ trái phép là 0,401g, loại Heroine.

Do vậy, Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 của BLHS 2015, nội dung điều luật có nội dung: "1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a)...; c) Heroine ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 0,5 gam; ....";

Xét các tình tiết quyết định mức hình phạt:

Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Khi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất biệt dược của Nhà nước, gây ra các tệ nạn ma túy; để lại hậu quả nặng nề cho gia đình có người nghiện và xã hội; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 23/12/1981, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội vi phạm luật lệ giao thông gây hậu quả nghiêm trọng bằng bản án số 275; ngày 10/9/1984, bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử bằng bản án số: 197/HS-ST về tội vi phạm luật lệ giao thông gây hậu quả nghiêm trọng. Bản án đã xử phạt Phạm Văn H 08 tháng tù giam, tổng hợp hình phạt này với hình phạt 08 tháng tù về cùng tội cùng loại mà Phạm Văn H được hưởng án treo theo bản án số 275/HS-ST ngày 23/12/1981, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 tháng tù giam; ngày 25/10/1984, tại bản án số 360/HSPT của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã sửa một phần của bản án sơ thẩm số 197 về về dân sự, các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành; ngày 24/3/1987, tại bản án số 05/1987/HSST của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam xử phạt bị cáo 06 tháng tù, giam về tội chống người thi hành công vụ; ngày 29/9/1993, tại bản án số 19/HSST của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hà Tây căn cứ nhân thân của bị cáo (Các bản án trên đã chấp hành xong nên đương nhiên xóa án tích, chưa có tiền án, tiền sự) xử phạt bị cáo 06 tháng tù, giam về tội cưỡng đoạt tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong bản án số 19/HSST ngày 29/9/1993 của Tòa án nhân dân huyện P vào ngày 06/01/1994. Tại biên bản xác minh lập ngày 27/4/2020, Chi cục thi hành án dân sự huyện P, thành phố Hà Nội xác nhận từ tháng 9/1993 đến nay, sổ thụ lý và sổ nhận bản án, quyết định của TAND huyện P tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P không thể hiện việc ghi chép, thụ lý, giải quyết đối với Phạm Văn H, sinh năm 1963 tại thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội phải thi hành theo bản án số 19/HSST ngày 29/9/1993 của TAND huyện P nên chưa xác định được khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm đã thực hiện hay chưa. Do vậy, cần xác định đối với các bản án trên, bị cáo đã chấp hành xong và đương nhiên được xóa án tích, phù hợp với quy định pháp luật và đúng tinh thần nhân đạo, chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự Việt Nam.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều

tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, khoản 1 quy định tại khoản 1, Điều 51 của BLHS 2015; bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tổng hợp các tình tiết của vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy phải xử lý nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo; cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung đồng thời tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Do bản thân bị cáo là lao động tự do, không có công việc và nơi cư trú ổn định; bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân; không có khả năng thi hành án, nên xét thấy cần miễn áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là có cơ sở.

Đối với người thanh niên nam đã bán ma túy cho Phạm Văn H tại khu vực cổng bến xe Thái Nguyên, do không xác định được lai lịch của người này nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để xử lý theo pháp luật là có căn cứ.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 phong bì được niêm phong ký hiệu B2 và 01 phong bì niêm phong ký hiệu T32 là vật chứng của vụ án, liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 ví giả da màu đen không liên quan đến tội phạm và bị cáo không có yêu cầu nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Số tiền 135.000,đ không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho bị cáo, nhưng được tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án đối với bị cáo.

- 01 lọ nước cất nhãn hiệu NOVOCAIN 3% loại 2ml và 01 bơm kim tiêm loại 3ml/cc có gắn kim tiêm đều đã qua sử dụng, giá trị không lớn nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định của Bộ Y tế;

Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an Huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N; biên bản mở niêm phong và giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an Huyện, Kho bạc Nhà nước huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập cùng ngày 15/7/2020.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm truy tố; điều luật áp dụng; mức hình phạt và các biện pháp tư pháp của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo Phạm Văn H là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51; 38 của BLHS 2015; Điều 329, 331, 333 của BLTTHS 2015.

[1] Về tội phạm: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H (Tên gọi khác: H Hà N) phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

[2] Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 15/01/2020).

Tiếp tục giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho việc thi hành án.

[3] Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, Điều 47; 48 của BLHS 2015 và Điều 106 BLTTHS 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì được niêm phong ký hiệu B2 và 01 phong bì niêm phong ký hiệu T32.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 lọ nước cất nhãn hiệu NOVOCAIN 3% loại 2ml và 01 bơm kim tiêm loại 3ml/cc có gắn kim tiêm và nắp đậy và 01 chiếc ví giả da đã qua sử dụng;

- Tạm giữ số tiền 135.000 (Một trăm ba mươi lăm nghìn) đồng của bị cáo để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.


Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an Huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N; biên bản mở niêm phong và giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an Huyện, Kho bạc Nhà nước huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập cùng ngày 15/7/2020.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKS huyện N; VKS tỉnh Bắc Kạn;
- TA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- Công an huyện N;
- Trại tạm giam CA huyện N;
- Phòng quản lý hồ sơ CA Huyện;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Lưu Hồ sơ. 

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**TRẦN QUANG HÒA**